

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 03 NĂM 2020

KỶ 01 THÁNG 02 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:
Số 47/GP-XBBT
Cấp ngày 20/8/2019

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:
Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:
Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 01/02/2020 đến 17/02/2020

5 Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ tiêu thụ nông sản

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

7 Nỗ lực mở rộng thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản

11 Thủy sản chiếm 32,7% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Australia

15 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU – cơ hội lớn từ EVFTA

THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

19 Long An đẩy mạnh xây dựng thương hiệu và tiêu thụ nông sản

20 Danh mục Hội chợ triển lãm ngành hàng nông, thủy sản, rau quả tại Indonesia 2020

21 Mời tham gia Đoàn Giao dịch thương mại tại Nhật Bản

21 Công ty Nga cần nhập khẩu bưởi và gừng tươi từ Việt Nam

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

22 Thủ tướng Chính phủ ký Công điện tháo gỡ khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

23 Giá nhiều loại nông sản tăng trở lại bất chấp rủi ro từ Covid-19 tại Trung Quốc

24 Nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Nam Phi tăng 4,1% năm 2019

28 TIN VĂN

TỔNG QUAN

Trong hai tuần đầu tháng 2/2020, trước sự bùng phát của Covid-19, thủ tục thông quan xuất khẩu hàng nông, thủy sản tại nhiều cửa khẩu đã chậm hơn rất nhiều so với thời gian trước do phải thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh lây lan. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của dịch bệnh cũng kéo theo nhu cầu tiêu thụ giảm; hoạt động trao đổi, thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc bị gián đoạn; đơn hàng bị chậm trễ hoặc không ký thêm được hợp đồng mới... Diễn biến này khiến giá nhiều mặt hàng nông, thủy sản trong nước ghi nhận sự sụt giảm liên tục từ cuối tháng 1/2020 đến nay. Cụ thể, tính đến ngày 17/2/2020, giá nhân điều xô tại Bình Phước giảm 24,3% so với thời điểm cuối tháng 1/2020; cao su giảm 10%; cá tra loại 1 tại Đồng Tháp giảm 71%; mực ống tại Đà Nẵng giảm 28,6%... Trong khi đó, giá gạo có xu hướng tăng trong nửa đầu tháng 2/2020 với giá gạo thành phẩm IR 504 tăng 6,1% lên 7.850 đ/kg trong bối cảnh giá gạo Việt Nam tăng trên thị trường thế giới và xuất khẩu gạo sang Trung Quốc đã giảm đáng kể từ năm trước nên khó khăn từ thị trường này chưa tác động rõ nét đến giá gạo Việt Nam.



Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, tác động bất lợi đến tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã yêu cầu các ngân hàng thương mại không được tăng lãi suất, kể cả lãi suất huy động để hỗ trợ doanh nghiệp chịu thiệt hại trong thời điểm dịch bệnh. Ngoài ra, các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp cũng đang vào cuộc quyết liệt để giảm thiệt

hại do dịch gây ra, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ, thu mua nông sản tại thị trường trong nước. Trong đó, Bộ Công Thương đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ hoạt động tiêu thụ nông, thủy sản.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi và các biện pháp bảo đảm nguồn cung thịt lợn nhìn chung đã được thực hiện tốt. Đây là điều kiện cần thiết để tổ chức nuôi tái đàn lợn. Tính đến ngày 11/02/2020, cả nước đã có 8.200 xã (chiếm 96 % tổng số xã có dịch) đã qua 30 ngày không phát sinh dịch bệnh. Trong đó, 30 tỉnh, thành phố có 100% số xã đã qua 30 ngày; 29 tỉnh, thành phố có trên 85% số xã đã qua 30 ngày. Như vậy đến nay, cả nước chỉ còn 348 xã thuộc 116 huyện của 33 tỉnh, thành phố với tổng số lợn tiêu hủy là 286.532 con chưa qua 30 ngày. Tuy nhiên, dịch cúm gia cầm đang có nguy cơ bùng phát cao khi tính đến ngày 11/02/2020, cả nước đã xảy ra 10 ổ dịch cúm gia cầm do chủng virus A/H5N6 gây ra, buộc phải tiêu hủy hơn 43 nghìn con gia cầm tại 5 tỉnh, thành phố gồm Bắc Ninh, Hà Nội, Quảng Ninh, Thanh Hóa và Nghệ An.

Trong lĩnh vực thương mại, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ghi nhận sự sụt giảm mạnh hơn so với dự kiến do chịu ảnh hưởng từ sự bùng phát của Covid-19 khiến xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, thủy sản sang Trung Quốc ngừng trệ. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (thủy sản, gạo, cà phê, hạt tiêu, hạt điều, chè, rau quả, sắn, cao su và đồ gỗ) trong tháng 1/2020 đạt 2,48 tỷ USD, thấp hơn so với mức ước tính 2,85 tỷ USD trước đó, giảm 28,9% so với tháng 12/2019 và giảm 24,2% so với tháng 12/2019. Trước những diễn biến phức tạp, khó lường của Covid-19, dự báo xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong những tháng tiếp theo và nhiều khả năng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong quý I/2020 sẽ giảm so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG KỶ TỪ NGÀY 01/02/2020 ĐẾN 17/02/2020

Trong kỳ từ ngày 01/02 đến 17/02/2020, giá hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong nước giảm do ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng virus corona mới (Covid-19) tại Trung Quốc – thị trường tiêu thụ nông sản lớn nhất của Việt Nam.

+ Giá hạt tiêu tại các tỉnh Tây Nguyên từ ngày 01/02 đến 17/02/2020 dao động trong khoảng 36.000 - 38.500 đ/kg, giảm tới 3.000 đ/kg so với nửa cuối tháng 1/2020. Thị trường hạt tiêu thế giới năm 2019 dư thừa nguồn cung gây áp lực giảm giá. Năm 2020, tình trạng nguồn cung dư thừa dự báo vẫn tiếp diễn, tuy nhiên mức dư thừa có dấu hiệu giảm dần.

+ Sau Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, nông dân tại Bình Phước bắt đầu thu hoạch hạt điều tươi. Hạt điều tươi được các đại lý, thương lái thu mua với giá dao động trên dưới 28.000 đ/kg tùy địa phương, thấp hơn đầu mùa năm trước từ 10.000 đ/kg đến 12.000 đ/kg. Năm nay, hầu hết vườn trồng cây điều đều ra hoa đồng loạt và đậu trái với tỷ lệ cao trên 50%. Tại các địa phương có diện tích trồng điều lớn, như huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp... Giá mua thấp đang khiến nông dân lo ngại tình trạng được mùa mất giá.

+ Trong thời gian từ ngày 01/02 đến ngày 17/02/2020, giá chào bán cao su của Việt Nam giảm từ 5% - 11% so với nửa cuối tháng 1/2020 do lo ngại về sự lây lan Covid-19 tại Trung Quốc làm giảm nhu cầu tiêu thụ cao su của thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam.

+ Giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp trong kỳ từ ngày 01/02 đến 17/02/2020 giảm nhẹ 1.500 đ/kg so với thời điểm cuối tháng 1/2020, đạt 19.500 đ/kg, trước diễn biến phức tạp của Covid-19 gây ra. Kỳ nghỉ Tết Nguyên

đán của các nhà máy chế biến kéo dài đến hết ngày 09/02/2020, nhiều công ty lo ngại thiếu công nhân khi mở cửa trở lại, trong khi nhiều khách hàng Trung Quốc cũng không thể sang Việt Nam theo lịch trình. Hoạt động giao thương cá tra Việt Nam sang Trung Quốc đang gặp nhiều khó khăn. Đơn hàng bị chậm trễ hoặc không ký thêm được hợp đồng mới, mọi hoạt động thương mại tạm dừng, sản lượng cá tra nguyên liệu quá cỡ tăng khiến nhiều doanh nghiệp phải gấp rút thu hoạch, chế biến. Hiện nay, một số nhà máy chế biến cá tra tại Đồng bằng sông Cửu Long cho công nhân tạm nghỉ việc để tránh lây lan dịch bệnh hoặc nghỉ luân phiên do đơn hàng giảm đầu năm.

Tương tự, giá các loại thủy sản tại Đà Nẵng cũng giảm mạnh 20% - 43,8% so với cuối tháng 1/2020. Trong đó, cá ngừ vẫn đạt 45.000 đ/kg, mực ống (17 - 24 cm/con) đạt 100.000 đ/kg, tôm sú (25-30 con/kg) đạt 260.000 đ/kg.



+ Trong khi đó, giá gạo tăng trong kỳ từ ngày 01/02 đến 17/02/2020. Cụ thể, tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá gạo nguyên liệu IR 504 tăng 400 đ/kg lên mức 6.900 đ/kg, gạo thành phẩm IR 504 tăng 450 đ/kg lên 7.850 đ/kg.

Giá chào bán gạo 5% tấm của Việt Nam trên thị trường quốc tế cũng tăng 10 – 20 USD/tấn, lên 355 - 360 USD/tấn. Covid-19 gây áp lực lên hoạt động giao dịch, nhiều khách hàng đã hủy hành trình tới Việt Nam để kiểm tra chất lượng gạo. Mặc dù vậy, sự tác động này bị hạn chế phần nào khi Trung Quốc đã giảm nhập khẩu gạo từ Việt Nam trong hai năm trở lại đây. Trong khi đó, lo ngại về diện tích trồng lúa giảm do nhiễm mặn đã hỗ trợ giá. Hoạt động thu hoạch vụ đông - xuân đang vào đợt cao điểm và sẽ hoàn thành vào cuối tháng này.

+ Nửa đầu tháng 2/2020, giá cà phê nhân xô tại khu vực Tây Nguyên tăng trở lại, tăng 900 đ/kg so với cuối tháng 1/2020, dao động trong khoảng 31.200 - 31.800 đ/kg. Nông



dân đang bán ra cầm chừng do muốn mức giá phải tương đương chi phí sản xuất ở mức 33.000 đồng/kg. Gần đây, do thiếu mưa nên vụ 2019/20 có thể đối mặt với hạn hán, dẫn tới sản lượng giảm.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 17/02/2020

Tên hàng	Ngày 17/02/2020 (đ/kg)	So với ngày 31/01/2020 (%)	So với đầu năm 2019 (%)
Gạo NL IR 504	6.900	6,2	-3,5
Gạo thành phẩm IR 504	7.850	6,1	-1,9
Tấm gạo IR 504	6.600	4,8	-15,4
Cám vàng	4.900	4,3	-14,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	31.800	2,9	-5,6
Chè xanh Thái Nguyên búp khô	105.000	0,0	0,0
Chè cành Thái Nguyên chất lượng cao	200.000	0,0	0,0
Chè xanh nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	9.000	0,0	0,0
Chè đen nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	6.000	0,0	0,0
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	28.000	-24,3	-17,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	38.500	-7,2	-24,5
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền trung Tây Nguyên	2.150	0,0	-23,2
Sắn lát trữ độ bột 30% tại Tây Ninh	2.750	0,0	-11,3
Sắn lát trữ độ bột 30% tại miền Bắc (mua xô)	1.800	0,0	-29,4
SVR CV	43.455	-3,3	-0,6
SVR 10	30.706	-10,3	-1,3
SVR 20	30.594	-10,4	-1,3
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	19.500	-7,1	-39,1
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	230.000	0,0	-11,5
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	45.000	-43,8	0,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	100.000	-28,6	0,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	260.000	-18,8	-3,7
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	125.000	8,7	13,6

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp)

ĐẨY MẠNH CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ TIÊU THỤ NÔNG SẢN

Trong thời gian qua, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường và có tác động nhiều mặt tới nền kinh tế nói chung cũng như các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa nói riêng, đặc biệt là hoạt động tiêu thụ đối với các mặt hàng nông sản, trái cây. Theo đó, các lô hàng nông, lâm, thủy sản và trái cây Việt Nam mặc dù có thể được làm thủ tục thông quan xuất khẩu, nhưng tiến độ sẽ chậm hơn nhiều so với thời gian trước do phải thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

Theo số liệu cập nhật của Bộ Công Thương, tính đến ngày 16/02/2020, tại Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (tỉnh Lạng Sơn) còn tồn 376 xe nông sản, trái cây (hơn ngày 15/2 là 84 xe). Còn ở tỉnh Lào Cai, tại Cửa khẩu Kim Thành II còn tồn hơn 365 xe trái cây các loại, chủ yếu là thanh long.

Các cửa khẩu khác ở tỉnh Lạng Sơn là Cửa khẩu Tân Thanh không phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu, còn tồn 1 xe thanh long; Cửa khẩu Cốc Nam không phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu, còn tồn 10 xe nông sản, tạp hóa, da bò, mỹ phẩm; Cửa khẩu Chi Ma còn tồn 4 xe.



Đáng chú ý, bất chấp khuyến cáo của Bộ Công Thương, lượng xe chở nông sản đang lên khu vực cửa khẩu hiện tăng nhanh do thương lái, doanh nghiệp tăng cường chuyển hàng lên cửa khẩu khi thấy thông tin từ nhiều kênh khác nhau về việc xuất khẩu tại các cửa khẩu đang có tín hiệu thuận lợi.

Trước đó, vào ngày 14/02/2020, Bộ Công Thương đã phát đi khuyến cáo, kêu gọi các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan theo dõi sát tình hình tại khu vực cửa khẩu biên giới, hạn chế đưa hàng hóa lên biên giới, trừ trường hợp đưa lên để xuất khẩu theo hình thức chính ngạch và phía đối tác Trung Quốc có khả năng nhận hàng.

Đối với các sản phẩm từ chăn nuôi, việc xuất khẩu sang Trung Quốc cũng gặp nhiều khó khăn khi thông thương nội địa và quốc tế của Trung Quốc bị đình trệ. Nhiều nhà nhập khẩu Trung Quốc cũng thông báo tới các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam tạm dừng giao hàng đến hết ngày 9/2 hoặc đến khi có thông tin bình thường hóa các hoạt động trở lại từ Chính phủ Trung Quốc.

Bên cạnh đó, việc tạm dừng đường bay, khó khăn trong giao thông giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ gây cản trở hoạt động giao dịch, trao đổi, làm việc giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý hai bên trong lĩnh vực thương mại nông sản.

Trước tình hình này, Bộ Công Thương đề nghị các doanh nghiệp và người dân có biện pháp để điều tiết sản lượng, ít nhất là không gia tăng sản lượng vào thời điểm này.

Với những diện tích chưa gieo trồng, Bộ Công Thương kiến nghị doanh nghiệp và người dân xem xét chuyển sang các loại nông sản khác để tiêu thụ hơn.

Bộ Công Thương cũng lưu ý các mặt hàng nông sản đã hoặc sắp thu hoạch, tiếp tục hạn chế đưa hàng lên biên giới trừ trường hợp đưa lên để xuất khẩu theo hình thức chính ngạch; đồng thời liên hệ với chủ hàng để đàm phán chuyển đổi sang hình thức chính ngạch và chủ động áp dụng các biện pháp để sẵn sàng chuyển đổi sang hình thức chính ngạch như thay đổi bao bì, nhãn mác hàng hóa, dán tem truy xuất nguồn gốc...

Bộ Công Thương sẽ chỉ đạo các phòng giấy phép của Bộ tại các địa phương ưu

tiên cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) cho những lô hàng sẵn sàng chuyển sang hình thức chính ngạch.

Với các doanh nghiệp logistics, đặc biệt là những doanh nghiệp có kho lạnh, Bộ đề nghị tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh nông sản thông qua việc ưu tiên bảo quản các mặt hàng nông sản đang gặp khó khăn trong việc xuất khẩu sang Trung Quốc và trong khả năng của mình, giảm chi phí lưu kho, lưu bãi, giảm phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa để hỗ trợ cho nông dân.

Bộ Công Thương cũng đề nghị các doanh nghiệp phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị..., tiếp tục hỗ trợ nông dân tiêu thụ các loại nông sản đang gặp khó khăn như thanh long, dưa hấu... Bộ Công Thương cho biết sẽ cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới; trong đó có việc chỉ đạo toàn bộ hệ thống Thương vụ tại nước ngoài tham gia tìm kiếm và giới thiệu khách hàng mới, góp phần thúc đẩy chuyển hướng tiêu thụ nông sản trong giai đoạn hiện nay.



Ngoài ra, ngày 11/02/2020, Bộ Công Thương đã tổ chức cuộc họp nhằm kết nối các doanh nghiệp phân phối lớn với các địa phương để đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng nông sản xuất khẩu. Tại cuộc họp, Bộ Công Thương khẳng định, việc tiêu thụ sản phẩm phải trên cơ sở đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn sản phẩm. Hiện nay việc chung tay tiêu thụ sản phẩm rất quan trọng bởi mùa vải và nhiều sản phẩm khác chuẩn bị vào vụ. Chính vì vậy, cần có phương án để thúc đẩy tiêu thụ, chủ động tiêu thụ hàng hoá, tránh

trường hợp "giải cứu" gắn với tăng năng lực cho khâu chế biến, bảo quản đông lạnh. Bộ đề nghị các địa phương phải cung cấp thông tin cụ thể về sản lượng, chất lượng và thời điểm để có kết nối cung cầu cho phù hợp, tập hợp đầu mối thông tin tại Vụ Thị trường trong nước, liên hệ qua các đầu mối để có kết nối nhanh nhất với từng sản phẩm, tránh thủ tục rườm rà.

Đồng thời, Bộ Công Thương chỉ đạo Cục Xuất nhập khẩu, Cục Xúc tiến Thương mại và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ thúc đẩy mở cửa thị trường cho trái thanh long vào các thị trường khác ngoài Trung Quốc. Trước mắt, lựa chọn, giới thiệu các doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh phân phối trái cây, nhất là thanh long tại các thị trường Campuchia, Myanmar. Xem xét, có chính sách hỗ trợ tiền điện cho các doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Kiến nghị Bộ Tài chính có chính sách hỗ trợ giảm thuế thu nhập cho các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu chính ngạch trong giai đoạn dịch bệnh.

Trong khi đó, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, tác động bất lợi đến tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã yêu cầu các ngân hàng thương mại không được tăng lãi suất, kể cả lãi suất huy động để hỗ trợ doanh nghiệp chịu thiệt hại trong thời điểm dịch bệnh. Ngoài ra, các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp cũng đang vào cuộc quyết liệt để giảm thiệt hại do dịch gây ra, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ, thu mua nông sản tại thị trường trong nước.



NỖ LỰC MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN



Trong tháng 1/2020, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ghi nhận sự sụt giảm mạnh hơn đáng kể so với dự kiến do chịu ảnh hưởng từ sự bùng phát của Covid-19 khiến xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, thủy sản sang Trung Quốc ngưng trệ. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (thủy sản, gạo, cà phê, hạt tiêu, hạt điều, chè, rau quả, sắn, cao su và đồ gỗ) trong tháng 1/2020 đạt 2,48 tỷ USD, thấp hơn đáng kể so với mức ước tính 2,85 tỷ USD trước đó, giảm 28,9% so với tháng 12/2019 và giảm 24,2% so với tháng 12/2019. Nếu so với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng đều giảm mạnh trên 20% như thủy sản giảm 33,2%; rau quả giảm 20,6%; hạt điều giảm 35,4%; cao su giảm 34,4%; cà phê giảm 29,9% ... Trong khi đó, chỉ có duy nhất gạo là mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch tăng, đạt 196,5 triệu USD, mặc dù giảm 13,8% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 2,2% so với tháng 1/2019.

Nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu trong tháng 1/2020 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019 là do trùng vào kỳ nghỉ Tết Nguyên đán nên việc xuất nhập khẩu bị gián đoạn trong khoảng 10 ngày. Tiếp đó, từ cuối tháng 1, đầu tháng 2/2020 đến nay, Covid-19 bùng phát mạnh tại Trung Quốc đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến rất nhiều lĩnh vực như giao thông vận tải, du lịch, bán lẻ, do vậy hoạt động sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản cũng không tránh khỏi ảnh hưởng tiêu cực.

Trước những diễn biến phức tạp, khó lường của Covid-19, dự báo xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong những tháng tiếp theo và nhiều khả năng tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong quý 1/2020 sẽ giảm so với cùng kỳ năm trước.

Xét về thị trường, Mỹ là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 1/2020. Tiếp theo là thị trường Trung Quốc, EU-27, Nhật Bản, ASEAN và Hàn Quốc. Trong nhóm các thị trường chủ lực, xuất khẩu sang EU-27 và Hàn Quốc giảm

mạnh nhất với mức giảm lần lượt 30,24% và 619,64 triệu USD. Trong khi đó, thị trường 30,89%, xuống còn 267,58 triệu USD và 130,25 Trung Quốc ghi nhận mức giảm 26,45%, chỉ triệu USD; xuất khẩu vào Mỹ giảm 16,56% còn 515,81 triệu USD.

Một số thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chủ lực của Việt Nam trong tháng 01/2020

Thị trường XK	Tháng 1/2020	So với tháng 12/2019	So với tháng 1/2019
	(nghìn USD)	(%)	(%)
Mỹ	619.645	-28,01	-16,56
Trung Quốc	515.814	-38,76	-26,45
EU-27	267.578	-25,93	-30,24
Đức	74.407	-21,83	-24,54
Hà Lan	47.805	-34,07	-35,52
Italia	36.594	-5,05	-25,13
Pháp	30.712	-33,07	-19,96
Tây Ban Nha	25.013	-39,26	-45,24
Bỉ	21.640	-28,19	-42,16
Nhật Bản	206.931	-24,79	-25,06
ASEAN	196.939	-19,96	-22,69
Philippin	79.946	-18,94	-33,82
Thái Lan	45.495	-7,87	-9,18
Malaysia	33.692	-12,68	-17,35
Singapore	13.549	-32,1	-40,36
Hàn Quốc	130.245	-23,69	-30,89
Anh	51.520	-23,43	-39,25
Canada	40.275	-29,07	-15,17
Australia	37.611	-22,65	-33,9
Irắc	32.642	88,39	798,47
Nga	32.102	-15,88	-32,01
Đài Loan	21.599	-42,95	-19,29
Hồng Kông	17.535	-42,92	-52,95
Ấn Độ	17.523	-31,12	-54,45
UAE	11.851	-16,84	-40,27
Pakistan	10.268	-36,46	-18,64
Mexico	8.546	-27,28	-63,36
Ixraen	8.308	-11,41	-32,08
Ả Rập Xê út	7.664	-12,83	1,02
Braxin	7.625	-16,93	-42,12
Gana	7.401	-21	-14,28
Angiêri	6.939	-65,67	-35,6
Mozambique	6.208	110,57	403,96
Ai Cập	5.581	-17,73	-37,61
New Zealand	4.229	-26,31	-33,26
Ukraina	3.676	-25,16	-25,11
Thổ Nhĩ Kỳ	3.649	-47,64	-30
Côlombia	3.601	-15,83	-13,37
Chilê	2.803	-2,13	-39,51
Bờ Biển Ngà	2.738	-87,18	-73,02
Nam Phi	1.929	-7,15	-55,24
Na Uy	1.615	-13,07	-31,3
Pêru	1.489	68,47	15,6
Sri Lanka	1.336	-49,35	-32,01
Côoét	1.162	-41,58	-51,18
Thụy Sĩ	1.061	-41,7	-64,35

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Xuất khẩu nông sản vẫn phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc

Hiện Trung Quốc là thị trường xuất khẩu hàng đầu đối với nhóm hàng nông sản và là thị trường lớn thứ 2 đối với xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Do vậy, sự tăng, giảm kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này vào Trung Quốc sẽ tác động lớn đối với tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, đáng ngại nhất là thủy sản, rau quả bởi bên cạnh việc đây là những mặt hàng có kim ngạch lớn, có tỷ trọng xuất khẩu tiểu ngạch lớn, thì việc bảo quản thường khó khăn, dễ bị xuống cấp nếu không được xuất khẩu kịp thời. Riêng trong tháng 1/2020, xuất khẩu rau quả và thủy sản sang Trung Quốc đạt lần lượt 173,57 triệu USD và 43,95 triệu USD, giảm 32,41% và 40,22% so với tháng 1/2019.

Trong khi đó, dịch bệnh bùng phát khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm; hoạt động trao đổi, thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc bị gián đoạn do hệ thống vận tải bị đình trệ; đơn hàng bị chậm trễ hoặc không ký thêm được hợp đồng mới; hoạt động sản xuất trong nước đình trệ vì các nhà máy thiếu công nhân... Không chỉ hoạt động giao thương qua đường tiểu ngạch mà cả đường chính ngạch sang Trung Quốc cũng đang gặp nhiều khó khăn.

Trong trường hợp Covid-19 kết thúc trong quý 1/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản

sang Trung Quốc dự báo sẽ giảm khoảng 20% mỗi tháng trong thời gian dịch bệnh chưa được khống chế so với cùng kỳ năm trước



và có thể hồi phục trở lại trong những tháng tiếp theo. Tuy nhiên, nếu Covid-19 tiếp tục kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng hơn đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản. Trong đó, các mặt hàng rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn phụ thuộc sâu vào thị trường Trung Quốc, ít thị trường thay thế, có khả năng giảm từ 20-30%. Ngoài ra, xuất khẩu cao su, cà phê, chè, tôm, cá tra, dăm gỗ dự báo cũng sẽ giảm đáng kể. Dịch bệnh không chỉ làm chậm lại hoạt động xuất nhập khẩu nông lâm sản, thủy sản mà thiệt hại gián tiếp khác là quá trình thương thảo xuất khẩu chính ngạch các sản phẩm sắn riêng, tổ yến, khoai lang... với phía Trung Quốc đang dần đi đến giai đoạn cuối nhưng đã bị ngưng trệ.

Xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 01/2020

Mặt hàng XK	Tháng 1/2020	So sánh T12/2019	So sánh T1/2019	Tỷ trọng trên tổng KNXX
	(Nghìn USD)	(%)	(%)	(%)
Tổng	515.814	-38,76	-26,45	20,84
Hàng thủy sản	43.953	-65,80	-40,22	8,94
Hàng rau quả	173.570	-7,55	-32,41	61,81
Hạt điều	17.697	-75,22	-56,37	10,26
Cà phê	3.850	-66,94	-58,59	1,56
Chè	270	-76,13	-89,81	2,21
Gạo	10.776	-28,15	176,76	5,49
Sắn và các sản phẩm từ sắn	67.574	-33,94	-25,14	92,76
Cao su	96.495	-52,70	-26,64	73,43
Gỗ và sản phẩm gỗ	101.629	-15,67	9,53	12,17

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Mở rộng thị trường, tránh phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc là yếu tố quan trọng trong bối cảnh hiện nay

Trước hàng loạt khó khăn, rủi ro phát sinh từ phía thị trường Trung Quốc trong thời gian qua và gần đây nhất là ảnh hưởng của Covid-19 đã tiếp tục đặt ra những cảnh báo về vấn đề xuất khẩu nông sản qua nước này cả tiểu ngạch cũng như chính ngạch. Nhằm giảm thiểu rủi ro, tìm hướng đi bền vững cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam, bên cạnh sự thận trọng, các doanh nghiệp cần thực sự có giải pháp chủ động, không thể hoàn toàn trông chờ vào việc mở cửa trở lại từ thị trường Trung Quốc. Một trong những yếu tố quan trọng là tập trung hơn nữa trong việc thúc đẩy, chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường khác, tránh phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc... Trong đó, vẫn còn nhiều thị trường có nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản cao và tiềm năng khai thác lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, NewZealand, Braxin, UAE hay các thị trường khu vực Trung Đông...

Đối với các thị trường châu Á, xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN... được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng và tăng trưởng do quy mô thị trường và sức tiêu thụ lớn, thói quen tiêu dùng tương đồng, vị trí địa lý thuận lợi cho việc vận chuyển, mức thuế nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản từ Việt Nam hầu hết đều đã về 0% do thực thi các Hiệp định thương mại tự do (ATIGA, VKFTA, VJEPA).

Đối với thị trường Mỹ, việc Cơ quan Thanh tra an toàn thực phẩm, Bộ Nông nghiệp Mỹ chính thức công bố quyết định Công nhận tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm cá da trơn của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ mở ra cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp sản xuất ngành hàng này. Bên cạnh đó, mới đây, Bộ Thương mại Mỹ thông báo quyết định mức thuế sơ bộ cho POR15 là 0 USD/kg, thuế suất toàn quốc là 2,39 USD/kg - thấp hơn nhiều so với kết quả cuối cùng của đợt rà soát trước đó là POR14, đây sẽ là cơ hội cho nhà xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Mỹ.

Ngoài ra, Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP với cam kết mức thuế nhập khẩu nông, lâm, thủy sản rất có lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam... Ngày 12/02/2020, Nghị viện châu Âu đã chính thức phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do EU - Việt Nam sau 12 năm đàm phán. Trước mắt, EU sẽ xóa bỏ các loại thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% dòng thuế tương đương khoảng 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này và phần còn lại sẽ được giảm tiếp theo lộ trình tối đa 7 năm. Trong danh mục các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang EU có rất nhiều nông sản có lợi thế, đặc biệt là ở nhóm hàng thủy sản, trái cây (cả tươi lẫn chế biến), gỗ và sản phẩm gỗ. Với 27 quốc gia thành viên của EU, hiện Việt Nam đã đưa nông sản đến 17 nước, đều là những nơi có tiêu chuẩn rất cao. Khi EVFTA được phê chuẩn, đã có 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được EU bảo hộ, trong đó gồm nhiều sản phẩm truyền thống, ví dụ như nước mắm Phú Quốc. Sau lộ trình thuế quan, gần 100% các sản phẩm Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế, đây là mức cam kết lớn nhất mà một đối tác đưa ra cho Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.



Những lợi thế này là cơ hội để các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản mở rộng xuất khẩu, đây cũng là điều kiện thuận lợi kỳ vọng xuất khẩu nhóm hàng này sẽ tăng trưởng nhanh hơn trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, vấn đề khó nhất đối với những mặt hàng nông sản vốn chỉ hướng đến thị trường Trung Quốc như thanh long, dưa hấu hiện nay là khó chuyển đổi thị trường

khi chưa được các nước khác cấp phép nhập khẩu. Nhiều loại rau quả Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu về bao gói, truy xuất nguồn gốc. Do đó, để có thể đa dạng hóa được thị trường, đưa hàng hóa đến được nhiều thị trường mới, bên cạnh sự hỗ trợ của các Bộ, ngành, các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản buộc phải tuân thủ nghiêm các quy định mới về đăng ký vùng trồng, bao gói đúng chuẩn, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, nâng cao chất lượng, chú trọng mẫu mã sản phẩm...

Trong bối cảnh đã được mở cửa thị trường tối đa về mặt thuế quan, xuất xứ hàng hóa... thông qua hàng loạt Hiệp định thương mại tự do được ký kết và có hiệu lực, nếu các giải pháp liên quan đến mở cửa thị trường về mặt kỹ thuật, đảm bảo chất lượng hàng hóa phát huy tác dụng, các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ ghi nhận được những bứt phá mới trong xuất khẩu, đóng góp ngày càng quan trọng vào cơ cấu xuất khẩu chung của cả nước, góp phần phát triển bền vững xuất khẩu nông sản trong giai đoạn mới.

THỦY SẢN CHIẾM 32,7% TỔNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM SANG AUSTRALIA

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong tháng 1/2020 giảm do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, với kim ngạch đạt 37,61 triệu USD, giảm 22,7% so với tháng 12/2019 và giảm 33,9% so với tháng 1/2019.

Trong đó, hàng thủy sản tiếp tục có kim ngạch xuất khẩu cao nhất sang thị trường Australia, đạt 12,29 triệu USD, chiếm 32,7% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia.

Kế đến, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 9,89 triệu USD, chiếm 26,3% tỷ trọng; Hạt điều đạt 6,16 triệu USD, chiếm tỷ trọng 16,4%...

Australia được đánh giá là thị trường nhiều tiềm năng cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam và Australia là đối tác thương mại thông qua Hiệp định Tự do thương mại (FTA) ASEAN – Australia – New Zealand (AANZFTA) có hiệu lực từ năm 2010 và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) từ đầu năm 2019. Nhờ các hiệp định này, phần lớn hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Australia sẽ được hưởng mức thuế suất ưu đãi 0% và nhiều điều kiện thuận lợi khác.

Trong khi đó, Australia là một trong số 20 quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất



thế giới. Với dân số 25 triệu người, người dân nước này rất ưa chuộng tiêu dùng trái cây tươi. Đây cũng là một đất nước đa văn hóa, với cơ cấu dân cư đa dạng, trong đó có khoảng 300.000 kiều bào Việt Nam sinh sống, chưa kể số lượng du học sinh, cán bộ và doanh nghiệp Việt Nam đang học tập và công tác.

Về khí hậu, Việt Nam và Australia nằm ở hai nửa bán cầu khác nhau nên vụ mùa thu hoạch thường trái ngược, góp phần tạo ra sự tương hỗ, bổ sung để người dân hai nước được thưởng thức nông sản của nhau.

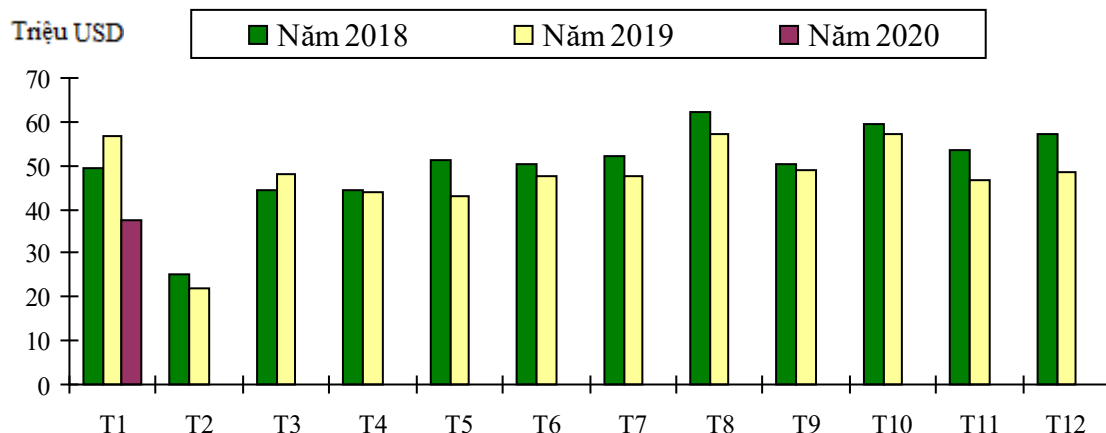
Tuy nhiên, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia thời gian qua vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của hai bên. Nguyên nhân là do Australia là một trong những thị trường có quy định về kiểm dịch và vệ sinh an toàn sản phẩm

nghiêm ngặt nhất trên thế giới; duy trì nhiều quy định về các biện pháp kỹ thuật khá khắt khe nên việc tiếp cận của doanh nghiệp rất khó khăn.

Do đó, để tăng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vào thị trường Australia, các doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu. Các doanh nghiệp cần chú trọng áp dụng các

tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và cạnh tranh được với hàng hóa của các quốc gia khác. Các doanh nghiệp xuất khẩu thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, rau quả cần thay đổi cách thức kinh doanh, tìm hiểu thị hiếu tiêu dùng; lựa chọn sản phẩm phù hợp và hình thành chuỗi liên kết để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Trị giá xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Australia năm 2018 - 2020



(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong tháng 1/2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 1/2020		So với tháng 12/2019 (%)		So với tháng 1/2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng trị giá		37.611		-22,7		-33,9
Hàng thủy sản		12.294		-30,0		-31,0
Gỗ và sản phẩm gỗ		9.886		-21,8		-40,2
Hạt điều	844	6.156	-33,6	-29,7	-45,3	-50,2
Hàng rau quả		4.569		-25,1		5,2
Cà phê	1.855	3.237	61,0	50,6	-4,2	-13,8
Gạo	1.195	762	-16,1	-11,4	-14,4	-19,4
Hạt tiêu	203	707	8,6	27,9	-31,2	-38,0

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Xuất khẩu rau quả sang Australia

Trong năm 2019, hạnh nhân là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong các mặt hàng rau hoa quả của Việt Nam sang Australia với kim ngạch đạt 5,9 triệu USD, giảm 56,8% so với năm 2018.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu macadamia và xoài sang thị trường Australia cũng giảm

16,1% và 14,7% so với năm 2018.

Trái lại, kim ngạch xuất khẩu rau hoa quả sang thị trường Australia tăng trưởng cao ở một số mặt hàng như: Óc chó tăng 804,4%, thanh long tăng 28,8%, chanh leo tăng 29,9%...

Các mặt hàng nông sản, đặc biệt là trái cây tươi, để có thể vào được thị trường Australia cần đáp ứng rất nhiều tiêu chuẩn,



thậm chí có những tiêu chuẩn còn khắt khe hơn cả một số quốc gia luôn nổi tiếng là khó tính về nhập khẩu hàng hóa, như Nhật Bản, Mỹ và EU.

Đối với hàng nông sản Việt Nam, đây

rõ ràng là khó khăn lớn, trái vải, xoài, thanh long và nhãn muốn thâm nhập được vào thị trường này đều phải được xử lý nghiêm ngặt, đúng kỹ thuật từ giống, canh tác cho tới đóng gói, bảo quản và vận chuyển.

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng rau hoa quả của Việt Nam sang Australia trong năm 2019

Tên hàng	Năm 2019 (nghìn USD)	So với năm 2018 (%)
Hạnh nhân	5.888	-56,8
Óc chó	5.538	804,4
Macadamia	5.368	-16,1
Dừa	4.814	0,4
Xoài	3.951	-14,7
Thanh long	3.145	28,8
Cúc	2.830	9,8
Chanh leo	2.683	29,9
Chuối	1.704	-0,8
Cát tường	1.062	38,2
Nước lặc tiên	903	9,3
Hạt dẻ cười	849	161.567
Ngô	830	36,4
Khoai môn	779	16,2
Ớt	770	11,5
Khoai tây	565	-8,5

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Hàng thủy sản

Năm 2019, Australia là thị trường nhập khẩu tôm lớn thứ 7 của Việt Nam, với kim ngạch đạt 126,66 triệu USD, tăng 10,4% so với năm 2018. Trong bối cảnh xuất khẩu tôm sang các thị trường chính sụt giảm, tôm Việt Nam xuất khẩu sang Australia đạt mức tăng trưởng 2 con số. Australia là thị trường ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong 10 thị trường nhập khẩu tôm chính của Việt Nam.

Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Australia các sản phẩm như tôm chân trắng PD đông lạnh, tôm chân trắng thịt bỏ đầu còn đuôi đông lạnh, tôm chân trắng bỏ đầu lột vỏ, tôm chân trắng nguyên con hấp đông lạnh, tôm chân trắng thịt tẩm bột tempura chiên đông lạnh...

Trong nhiều năm qua, Việt Nam vẫn duy trì là nguồn cung tôm lớn nhất của Australia, chiếm 42% tổng giá trị nhập khẩu tôm của Australia; tiếp đó là Trung Quốc đứng thứ hai với 23%, Thái Lan đứng thứ ba chiếm 22%.



Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, Australia là một trong những quốc gia có các yêu cầu về tuân thủ an toàn sinh học và an toàn vệ sinh thực phẩm rất cao, kiểm dịch khắt khe hơn so với những thị trường khác bởi người tiêu dùng Australia đặt ra tiêu chuẩn rất cao và các tiêu chuẩn này được hỗ trợ bởi một loạt các quy định bảo vệ người tiêu dùng. Đây mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng chuỗi liên kết từ đầu vào đến đầu ra cho sản phẩm tôm, cung cấp các sản phẩm đổi mới có giá trị gia tăng cao, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ đảm bảo, nhãn mác rõ ràng... là những yếu tố doanh nghiệp cần lưu tâm khi xuất khẩu vào thị trường này.

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang Australia trong năm 2019

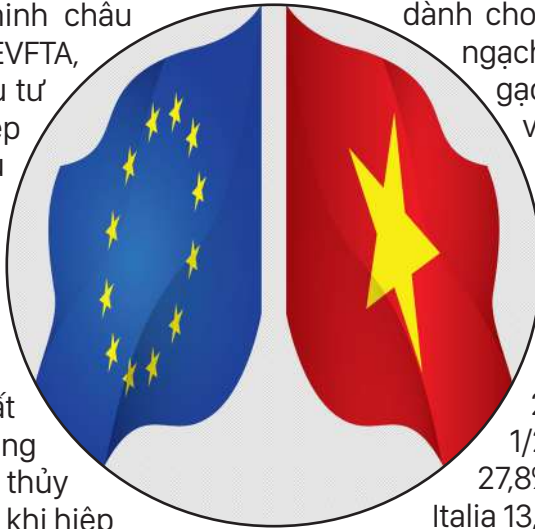
Chủng loại	Năm 2019			So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Tôm các loại	14.315	126.655	8.848	24,9	10,4	-11,6
Cá tra, basa	13.965	42.081	3.013	-3,2	-10,2	-7,2
Cá đông lạnh	3.680	22.352	6.074	21,6	1,2	-16,8
Cá đóng hộp	1.847	3.730	2.019	39,5	82,4	30,7
Cá ngừ các loại	854	3.572	4.183	46,0	79,1	22,7
Mực các loại	371	2.165	5.833	-22,3	-6,7	20,2
Bạch tuộc các loại	371	2.161	5.829	5,0	7,0	2,0
Surimi	437	1.309	2.993	15,6	22,6	6,0
Ghẹ các loại	144	913	6.338	-43,6	-38,4	9,3
Mắm	258	643	2.489	31,9	62,0	22,8
Nghêu các loại	263	547	2.077	1,9	-9,0	-10,7
Cá khô	160	536	3.346	-37,6	-12,9	39,7
Thủy sản khác	107	364	3.404	-9,8	-38,8	-32,1
Tép	33	323	9.763	-50,6	25,6	154,4
Sò các loại	19	226	11.619	46,8	87,3	27,6
Ốc các loại	52	109	2.094	679,5	433,5	-31,6
Chả giò	20	104	5.255	-40,9	-35,3	9,5
Cua các loại	22	104	4.637	12,8	-18,9	-28,0
Ba khía	29	83	2.909	-20,3	-37,7	-21,8
Ruốc	19	42	2.195	189,9	127,7	-21,5

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG EU – CƠ HỘI LỚN TỪ EVFTA

Ngày 12/2/2020, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu thông qua Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam - EVFTA, và Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA). Theo dự kiến Hiệp định EVFTA sẽ có hiệu lực từ tháng 7/2020.

Việc giảm thuế đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn so với các thị trường xuất khẩu khác. Cụ thể, khoảng 50% số dòng thuế ngành thủy sản sẽ được xóa bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực (hiện thuế suất phần lớn ở mức 6% - 22%), 50% số dòng thuế còn lại sẽ giảm về 0% sau 3 đến 7 năm; các sản phẩm rau củ quả tươi và chế biến, nước trái cây, cà phê, hồ tiêu, hạt điều, mật ong tự



nhiên... cũng cơ bản được xóa bỏ thuế ngay khi hiệp định có hiệu lực. Với ngành gạo, EU dành cho Việt Nam tổng lượng hạn ngạch 80.000 tấn/năm đối với gạo xay xát, gạo chưa xay xát và gạo thơm, thuế trong hạn ngạch là 0%.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, EU-27 là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn thứ 3 của Việt Nam với kim ngạch đạt 267,6 triệu USD trong tháng 1/2020. Trong đó, Đức chiếm 27,8% thị phần, Hà Lan 17,9%, Italia 13,7%, Pháp 11,5%...

Những mặt hàng trong nhóm nông, lâm, thủy sản được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường EU-27 hiện nay là cà phê (36 % tỷ trọng), gỗ và sản phẩm gỗ (21%), hàng thủy sản (20%), hạt điều 16%...

Tình hình xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang một số thị trường chính trong khối EU-27 trong tháng 1/2020

Thị trường	Tháng 1/2020 (nghìn USD)	So với tháng 12/2019 (%)	So với tháng 1/2019 (%)
Đức	74.407	-21,8	-24,5
Hà Lan	47.805	-34,1	-35,5
Italia	36.594	-5,1	-25,1
Pháp	30.712	-33,1	-20,0
Tây Ban Nha	25.013	-39,3	-45,2
Bỉ	21.640	-28,2	-41,3
Ba Lan	10.137	-14,7	10,4
Đan Mạch	6.465	-19,7	-22,0
Bồ Đào Nha	5.583	-18,1	-25,6
Thụy Điển	3.976	-23,0	-27,3
Hy Lạp	1.837	-24,1	-62,0
Rumani	1.528	72,8	-17,7
Cộng Hoà Séc	758	-48,0	-19,4
Phần Lan	741	23,7	-9,8
Hunggary	352	-9,4	-69,9
Áo	29	-82,6	-92,8

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, việc xúc tiến thương mại vào thị trường EU cũng gặp một số khó khăn do EU đòi hỏi nghiêm ngặt và khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường... EU có nhiều quy định không chỉ liên quan đến tiêu chuẩn sản phẩm mà cả đối với quy trình sản xuất ra sản phẩm đó. Ví dụ không được dùng hải sản được đánh bắt bất hợp pháp hay không được dùng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên mà chưa được phép. Hay các quy định về lao động, môi trường của EU cũng thuộc hàng cao nhất thế giới. Do đó, để khai thác tốt được các cơ hội do Hiệp định EVFTA đem lại cũng là một thách thức đối với Việt Nam.

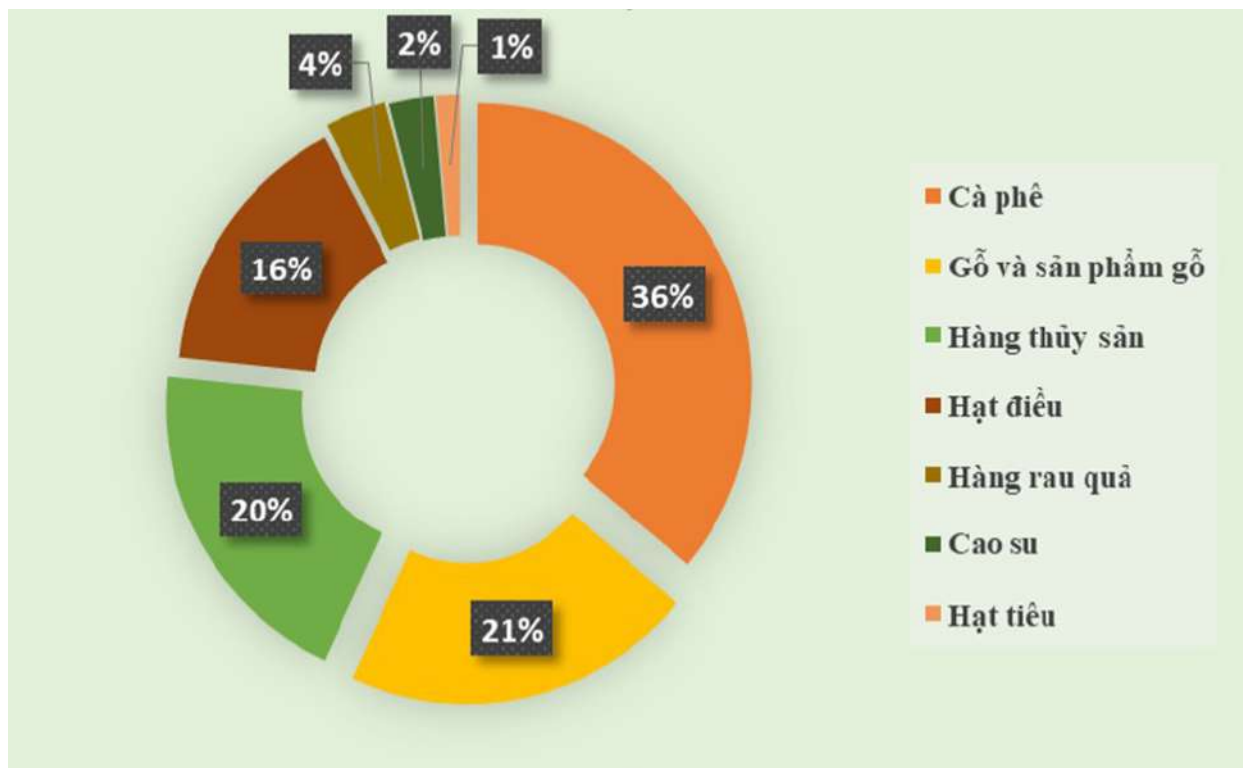
Khó khăn tiếp theo đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại thị trường EU là rào cản ngôn ngữ cũng như hiểu biết hạn chế đối với các quy định tại thị trường EU.

Để tận dụng hiệu quả mà EVFTA mang lại,

các doanh nghiệp Việt Nam cần đầu tư phát triển sản phẩm đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn và quy định về hàng hóa nhập khẩu của EU cũng như chuẩn bị kỹ kế hoạch xuất khẩu cho từng mặt hàng, từng thị trường mục tiêu; tập trung nâng cao chất lượng hàng hóa, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khắt khe của các thị trường nhập khẩu.

Các doanh nghiệp nông sản muốn đưa sản phẩm vào thị trường EU cần đẩy mạnh việc sản xuất các sản phẩm chế biến bởi Việt Nam không có lợi thế về địa lý trong vận chuyển nông sản tươi vào thị trường này so với các nước khác, nhất là các nước ở khu vực Bắc Phi. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần nghiên cứu, tìm hiểu kĩ khẩu vị, xu hướng tiêu dùng hiện nay của người dân các nước EU để thâm nhập thị trường tốt hơn. Nhất là trong bối cảnh một số quốc gia có quy định hạn chế sử dụng hàm lượng đường trong các sản phẩm nông sản chế biến.

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU-27 trong tháng 1/2020



(Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan)

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 1/2020

Tên hàng	Tháng 1/2020		So với tháng 12/2019 (%)		So với tháng 1/2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Cà phê	58.917	96.296	-14,8	-15,2	-28,2	70,0
Gỗ và sản phẩm gỗ		55.493		-24,0		76,1
Hàng thủy sản		52.752		-31,3		63,0
Hạt điều	5.620	41.839	-34,8	-32,1	-11,4	77,5
Hàng rau quả		9.731		-25,8		73,6
Cao su	4.980	7.052	-57,7	-56,7	-58,3	48,2
Hạt tiêu	1.345	3.723	-29,9	-34,3	-24,4	57,9
Gạo	1.119	627	-38,1	-34,5	30,4	142,1
Chè	26	66	-81,7	-76,8	-76,1	48,1
Tổng		267.579		-25,9		69,9

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Cà phê

EU là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, trong đó thị phần cà phê của Việt Nam chiếm 23,7% tổng khối lượng, đứng thứ hai về xuất khẩu cà phê vào EU sau Braxin.



Hiện nay xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU chủ yếu là dạng thô. Trong khi đó, sản phẩm cà phê hòa tan xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU còn hạn chế do mức thuế từ 20-40%. Do vậy, việc hiệp định EVFTA dự kiến có hiệu lực trong thời gian tới sẽ đưa thuế suất của mặt hàng này về 0% sẽ giúp thúc đẩy mạnh việc xuất khẩu cà phê chế biến của Việt Nam sang thị trường EU, do nhu cầu đối với mặt hàng này tại EU hiện rất lớn.

Thủy sản

Trong năm 2019, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủy sản chính của Việt Nam sang

thị trường EU-27 đều giảm so với năm 2018. Trong đó, tôm giảm 19,2%, cá tra, basa giảm 7,2%, cá đông lạnh giảm 16,8%... Tuy nhiên, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu có xu hướng tăng như: Cá đóng hộp tăng 30,7%, cá ngừ các loại tăng 22,7%, mực các loại tăng 20,2%...

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn sau khi Ủy ban châu Âu (EC) áp thuế vàng đối với ngành đánh bắt, chế biến, xuất khẩu hải sản Việt Nam.

Trong năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU được dự báo sẽ khả quan hơn do nỗ lực khắc phục thuế vàng của EU đối với thủy sản khai thác của Việt Nam đã được EU đánh giá có nhiều tiến triển tích cực.

EVFTA được thông qua và dự kiến có hiệu lực sau nửa cuối năm nay cũng sẽ tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU.

Trong đó, thuế đối với phần lớn tôm nguyên liệu, bao gồm các sản phẩm tươi, đông lạnh và mát nhập khẩu từ Việt Nam vào EU sẽ giảm từ mức thuế cơ bản 12 – 20% xuống còn 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực. Đồng thời, thuế nhập khẩu tôm chế biến cũng sẽ giảm xuống 0% sau 7 năm. Với lộ trình thuế này, Việt Nam có rất nhiều lợi thế trong xuất khẩu tôm sang EU.

Ngành tôm cũng có thể tận dụng lợi thế trong giảm thuế nhập khẩu thực phẩm chế biến cao cấp từ mức cơ bản 20% xuống 7% theo Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) dành cho các nước đang phát triển. Cụ thể, thuế nhập

khẩu cơ bản 20% của EU áp dụng cho các sản phẩm tôm hấp từ tất cả các nước nhưng mức thuế cho tôm hấp từ Việt Nam chỉ ở mức 7% theo hệ thống thuế GSP.

Xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU-27 trong năm 2019

Chủng loại	Năm 2019			So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tôm các loại	59.661	485.380	8.136	-8,8	-19,2	-11,4
Cá tra, basa	70.114	182.940	2.609	-0,4	-5,2	-4,8
Cá ngừ các loại	28.180	129.711	4.603	-10,3	-13,1	-3,1
Cá đông lạnh	12.753	58.587	4.594	4,9	14,7	9,3
Nghêu các loại	31.621	53.343	1.687	11,8	9,6	-1,9
Mực các loại	7.620	38.096	4.999	-23,9	-27,8	-5,2
Bạch tuộc các loại	4.751	22.129	4.657	-3,5	-5,8	-2,4
Surimi	6.516	15.126	2.322	95,9	101,1	2,7
Ghẹ các loại	1.397	7.606	5.443	5,6	3,6	-1,9
Sò các loại	559	6.091	10.887	14,2	14,3	0,2
Thủy sản khác	1.116	5.069	4.542	-29,0	-21,6	10,4
Cua các loại	100	1.789	17.843	86,1	132,5	24,9
Mắm	1.168	1.661	1.422	45,2	51,8	4,6
Thủy sản làm cảnh	30	836	27.859	282,4	35,1	-64,7
Chà giò	105	699	6.659	42,3	57,9	10,9
Cá khô	67	529	7.892	-25,2	-22,0	4,3
Lươn	18	229	12.424	3,4	26,4	22,2
Ốc các loại	75	201	2.689	-6,5	0,4	7,4
Cá đóng hộp	44	100	2.275			
Bánh hải sản	9	97	10.476	-43,6	-39,0	8,2
Tép	29	89	3.028	-15,3	-20,2	-5,7
Trứng cá	6	87	14.068	133,1	70,3	-26,9
Ruốc	11	78	6.784	-29,3	2,3	44,8
Rạm	19	61	3.291	12,9	7,0	-5,3
Giun sống	1	60	48.901	-37,3	-37,2	0,2
Dimsum	8	44	5.573	-29,1	-30,4	-1,8
Ba khía	3	19	7.670	-79,9	-79,8	0,6
Há cảo	4	18	4.893			

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)



LONG AN ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN

Long An là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông giáp với thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh, phía Bắc giáp với tỉnh Svay Rieng, Vương Quốc Campuchia, phía Tây giáp với tỉnh Đồng Tháp và phía Nam giáp với tỉnh Tiền Giang. Với vị trí địa lý khá đặc biệt và thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Long An là vùng kinh tế có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam.

Trong những năm qua, ngành sản xuất nông nghiệp của tỉnh Long An có mức tăng trưởng khá, nhiều cây trồng và giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất như cây thanh long, chanh, rau ăn lá, lúa và các giống vật nuôi bò ngoại, lợn ngoại; các giống gia cầm hướng trứng, hướng thịt. Nhiều loại nông sản hàng hóa cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu như: Lúa 2,8 triệu tấn/năm; rau, đậu các loại 180 ngàn tấn/năm; hoa quả 158 ngàn tấn/năm (trong đó, thanh long 78 ngàn tấn/năm; chanh 75 ngàn tấn/năm); sản lượng thịt hơi các loại 72 ngàn tấn/năm; trứng gia cầm 160 triệu quả/năm. Công tác quy hoạch của tỉnh bước đầu đã triển khai hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại.



Long An đã hình thành, phát triển các vùng sản xuất hàng hoá tập trung như: sản xuất lúa hàng hóa đặc sản ở khu vực phía

Nam với khoảng 30.000 ha; vùng lúa cao sản Đồng Tháp Mười 180.000 ha; vùng rau thâm canh Cần Đước - Cần Giuộc 2.400 ha; vùng thanh long tại huyện Châu Thành 6.000 ha; vùng đậu phộng 8.000 ha; vùng mía 12.000 ha; vùng chanh Bến Lức, Đức Hoà, Đức Huệ 5.700 ha; khoai mỡ Thạnh Hóa 3.500 ha; bò sữa, bò thịt Đức Hoà 48.000 con; nuôi trồng thủy sản vùng Hạ 4.000 ha... tất cả đang từng bước phát triển theo định hướng thị trường, tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng nông sản. Một số sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng và giá trị cao, phục vụ xuất khẩu được chú trọng như thanh long, chanh không hạt, gạo Nàng thơm Chợ Đào...

Long An đang xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, có sức cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Để đẩy mạnh tiêu thụ hàng nông thủy sản, Long An hướng tới việc quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, và đặc biệt các sản phẩm nông nghiệp cần phải sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP... Công tác xây dựng thương hiệu đang được duy trì và xúc tiến mạnh. Các loại nông sản có thể mạnh và đã xây dựng thương hiệu như lúa gạo, thanh long, chanh không hạt, khóm, khoai mỡ, rau ăn lá,...

Tìm biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ thanh long trong bối cảnh dịch nCoV bùng phát tại Trung Quốc:

Diện tích thanh long trên toàn tỉnh khoảng 11.826 ha, trong đó diện tích đang cho trái là 9.587 ha, sản lượng 320.000 tấn. Thời gian

qua, thị trường tiêu thụ Trung Quốc chiếm 70-80%. Phần còn lại tiêu thụ tại một số quốc gia và vùng lãnh thổ như Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc, châu Âu, Mỹ, Canada, Nhật Bản, Malaysia, New Zealand, Ấn Độ, Australia... và tiêu thụ trong nước. Xuất khẩu theo đường tiểu ngạch vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao.

Ngành công thương Long An đang phối hợp với các địa phương trong nước thu mua và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm tại hệ thống siêu thị Big C, Coop Mart, Bách hóa xanh ở các tỉnh thành, địa phương... nhằm đưa sản phẩm thanh long xuống các xã nông thôn, khu công nghiệp để tiêu thụ. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu hỗ trợ phí vận chuyển, chi phí lưu kho, gửi hàng để giúp doanh nghiệp và nông dân hạn chế phần nào thiệt hại.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh do chủng mới virus Corona gây ra, sản lượng thanh long tồn chưa tiêu thụ được đến cuối tháng 1 và trong tháng 2/2020 ước tính vào khoảng 30 ngàn tấn. Trong đó đang tồn trong kho khoảng 2 ngàn tấn, thanh long đang chín tới trên cây khoảng 28 ngàn tấn.

Trước tình hình trái thanh long ứ đọng do dịch bệnh nCoV tại Trung Quốc, tỉnh Long An nói riêng và cả nước nói chung càng đặt ra yêu cầu bức thiết xây dựng chiến lược tiêu thụ trái thanh long. Long An và các tỉnh đang có chiến lược gồm hai việc chính là xây dựng kênh phân phối, tiêu thụ trong nội địa, giúp người dân cả nước đều có thể tiêu thụ dễ dàng các loại trái cây trong nước và thành lập các trung tâm tiêu thụ nông sản Việt Nam ở nước ngoài, trước mắt là ở thị trường lớn như Trung Quốc, giúp bớt lệ thuộc vào thương lái nước ngoài và tránh được rủi ro.

Tỉnh cũng đang thực hiện Đề án Xây dựng vùng sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao 2.000 ha đến năm 2020 tại huyện Châu Thành. Mục tiêu của đề án là phát triển vùng sản xuất thanh long tập trung, ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đưa vốn, kỹ thuật và liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người trồng, góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu của thanh long, là cơ sở vững chắc để tiến tới phát triển thương hiệu sản phẩm thanh long của tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ và hội nhập quốc tế.

DANH MỤC HỘI CHỢ TRIỂN LÃM NGÀNH HÀNG NÔNG, THỦY SẢN, RAU QUẢ TẠI INDONESIA 2020



Thương vụ Việt Nam tại Indonesia giới thiệu một số hội chợ, triển lãm quốc tế uy tín của Indonesia chuyên ngành trong lĩnh vực nông, thủy sản, rau quả năm 2020:

1. Hội chợ Rau quả IndoAGROFOOD Expo 2020 (từ 9-12/4/2020). Thông tin về Hội chợ xem tại website: <http://www.agrofood.co.id/>

2. Hội chợ Thủy Sản INDOFISHERIES và Hội chợ Gia súc INDOLIVESTOCK 2020 (từ 8-10/7/2020). Thông tin về Hội chợ xem tại website: <https://www.indofisheries.id/> và <https://indolivestock.com/>

3. Hội chợ INDO AGRI EXPO (diễn ra từ 28-30/7/2020). Thông tin về Hội chợ xem tại

website: <https://indoagriexpo.com/>

4. Hội chợ Máy móc nông nghiệp và công nghệ Nông nghiệp INAGRITEX (diễn ra từ 26-28/8/2020). Thông tin về Hội chợ xem tại website: <https://inagritech-exhibition.net/>

5. Hội chợ AGRI EXPO INDONESIA 2020 (tại Tp. Surabaya từ 21-22/10/2020). Thông tin Hội chợ xem tại website: <http://agri-indonesia.com/>

6. Hội chợ quốc tế tổng hợp Trade Expo Indonesia 2020 (tháng 10/2020). Thông tin Hội chợ xem tại website: <http://www.tradexpoindonesia.com/>

7. Hội chợ Thực phẩm Đồ uống SIAL INTERFOOD 2020 (diễn ra từ 11-14/11/2020). Thông tin Hội chợ xem tại website: <https://sialinterfood.com/>

MỜI THAM GIA ĐOÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI TẠI NHẬT BẢN

Thực hiện Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3837/QĐ-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2019, Cục Xúc tiến thương mại phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức “Đoàn Giao dịch thương mại tại Nhật Bản”, cụ thể như sau:

Hỗ trợ các tổ chức, địa phương và doanh nghiệp Việt Nam xúc tiến giao thương, tìm kiếm các cơ hội xuất nhập khẩu và đầu tư với Nhật Bản. Quy mô: Khoảng 20 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Thời gian dự kiến: Từ ngày 10 đến ngày 16 tháng 05 năm 2020. Địa điểm: Tại Hokkaido và Tokyo, Nhật Bản.

Ngành hàng: Đa ngành (ưu tiên công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, chế tạo, dệt may, da giày, gia dụng, hàng tiêu dùng, nông sản, thực

phẩm...).

Thời hạn đăng ký tham gia: Thứ Hai, ngày 23 tháng 03 năm 2020. Do số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ có hạn, Cục Xúc tiến thương mại sẽ thông báo chính thức tới các doanh nghiệp sau khi danh sách các doanh nghiệp tham gia được phê duyệt.

Các cơ quan, doanh nghiệp quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ về:

Cục Xúc tiến thương mại

Địa chỉ: Tầng 7, 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39364792 (máy lẻ 111 hoặc 117); Fax: 024.39369493

Email: trangnpvietrade@gmail.com hoặc thuybt@vietrade.gov.vn.

Liên hệ: Chị Phương Trang (093.676.0000) hoặc chị Bùi Thủy (0904.413.575).

GIAO THƯƠNG

CÔNG TY NGA CẦN NHẬP KHẨU BƯỞI VÀ GỪNG TƯƠI TỪ VIỆT NAM

Công ty Cross Trading tại LB Nga (Website: <http://www.azafruit.ru/>) cần nhập khẩu từ Việt Nam:

- Bưởi tươi (pomelo) với số lượng từ 6 container/1 tuần (ban đầu 1-2 container/tuần); Loại 10 – 12 quả đóng gói trong 1 hộp từ 12 -15 kg.

- Gừng tươi (ginger) với số lượng 1-2 container/1 tuần; Loại 250+ gr/1 củ hoặc nhỏ hơn. Đóng gói 13 kg/hộp.

Đề nghị chào giá CIF Port St-Petersburg.

Người liên hệ: Bà Nathalie Gaag - Import manager (có thể giao dịch bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nga).

Mobile: +7 (951) 153-69-45

Các doanh nghiệp Việt Nam quan tâm có thể liên hệ trực tiếp với doanh nghiệp hoặc với Thương vụ Việt Nam tại Nga theo email ru@moit.gov.vn; trinhxuanhieu1964@yahoo.com để được hướng dẫn.



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KÝ CÔNG ĐIỆN THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

Ngày 12/02/2020, Thủ tướng Chính phủ ký Công điện 224/CĐ-TTg về việc tháo gỡ khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

Theo đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa qua biên giới, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp do virus corona gây ra, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ: Công Thương, Y tế, Ngoại giao, Tài chính, Công an, Quốc phòng, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 808/VPCP-KTTH ngày 05 tháng 02 năm 2020.

Bộ Y tế khẩn trương chủ trì, thống nhất với các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh có đường biên giới và cơ quan liên quan xây dựng quy trình kiểm dịch y tế, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh của phương tiện và người điều khiển phương tiện để áp dụng tại các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu biên giới đường bộ, đường sắt trên nguyên tắc tạo thuận lợi, đẩy nhanh hoạt động thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, đồng thời bảo đảm yêu cầu công tác phòng, chống dịch bệnh. Trong đó, người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa phải mặc đồ bảo hộ, đeo khẩu trang và thực hiện các biện pháp vệ sinh, phòng chống dịch bệnh tại cửa khẩu để khi trở lại Việt Nam không phải áp dụng biện pháp cách ly theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Ủy ban nhân dân các tỉnh có đường biên giới chủ trì, phối hợp với các Bộ: Y tế, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương và cơ quan liên quan trao đổi, làm việc với các địa phương biên giới phía Bắc để thống nhất triển khai thực hiện các quy trình tại điểm 2 nêu trên.

Đồng ý với đề nghị của Bộ Công Thương về việc tiếp tục hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa qua cửa khẩu phụ Tân Thanh và Cốc Nam - tỉnh Lạng Sơn và lối mở Km3+4 phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh theo quy định của pháp luật, trên nguyên tắc bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt về phòng chống dịch bệnh đối với người điều khiển và phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu.



Thủ tướng giao các Bộ: Y tế, Công Thương và cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai cụ thể. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh có đường biên giới trao đổi, làm việc thống nhất với các địa phương biên giới phía Bắc và tổ chức triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo các yêu cầu công tác phòng, chống dịch bệnh.

GIÁ NHIỀU LOẠI NÔNG SẢN TĂNG TRỞ LẠI BẤT CHẤP RỦI RO TỪ COVID-19 TẠI TRUNG QUỐC

Giá nhiều mặt hàng nông sản tăng trở lại trong kỳ từ ngày 01/02 đến 17/02/2020 nhưng thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước những lo ngại về Covid-19 tại Trung Quốc.

Sự bùng phát của dịch bệnh tại Trung Quốc có thể giảm hoạt động mua nông sản Mỹ của Trung Quốc theo thỏa thuận giai đoạn 1 giữa hai bên đã được ký kết.

Tính đến ngày 17/02/2020, giá đậu tương tại Mỹ kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn Chicago tăng 2,7% so với cuối tháng 1/2020, đạt 903,2 UScent/bushel. Giá ngô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn Chicago tăng 0,3%, đạt 382 UScent/bushel.



Trên thị trường cà phê, trong khi giá cà phê Robusta giảm 3,5% trong kỳ từ ngày 01/02 đến 17/02/2020 thì giá cà phê Arabica lại tăng 3,9%. Do ảnh hưởng bởi Covid-19, chuỗi Starbucks tại Trung Quốc đóng cửa hàng nghìn cửa hàng. Ngày 12/02/2020, khối sản xuất ở Trung Quốc bắt đầu mở cửa trở lại với số lượng ít sau một tuần đóng cửa vì lo ngại sự lây lan của dịch bệnh. Tình hình sản xuất được dự báo khả quan khi nhiều nhà máy có thể tái hoạt động từ tuần tới.

Dịch bệnh tại Trung Quốc cũng ảnh hưởng tới giá gạo của Thái Lan. Theo đó, giá gạo thường 5% tấm tại Thái Lan đã giảm 14 USD/tấn so với cuối tháng 1/2020, dao động

ở mức 425 - 439 USD/tấn. Đồng Bath Thái giảm xuống mức thấp nhất 7 tháng so với USD vào ngày 7/2/2020 do ảnh hưởng bởi sự lây lan của Covid-19 - cũng là mối đe dọa đối với ngành du lịch của Thái Lan, động lực chính của tăng trưởng kinh tế nước này. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Thái Lan trong năm 2019. Khách du lịch Trung Quốc chiếm hơn một phần tư tổng số khách du lịch đến Thái Lan mỗi năm. Giá gạo xuất khẩu của Thái Lan được dự báo tiếp tục giảm do sự bùng phát của dịch bệnh tại Trung Quốc. Tuy nhiên, đà giảm giá phần nào hạn chế do hạn hán kéo dài ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn cung gạo tại Thái Lan.

Trái lại, giá gạo đỏ 5% tấm tại Ấn Độ tăng 3 USD/tấn trong kỳ từ ngày 01/02 đến 17/02/2020 và được giao dịch trong khoảng 370 - 375 USD/tấn, mức cao nhất kể từ tuần cuối cùng của tháng 9/2019. Giá tăng nhờ đồng Rupee tăng giá và nhu cầu đang ở mức tốt cho mùa vụ mới. Nhu cầu đối với gạo Ấn Độ đang phục hồi sau khi xuất khẩu gạo của nước này trong năm 2019 giảm 18,1% so với năm 2018 xuống mức thấp nhất trong 8 năm, vì nhu cầu từ những người mua chính ở châu Á và châu Phi suy yếu dưới ảnh hưởng của mức giá cao. Ấn Độ đã xuất khẩu 9,87 triệu tấn gạo trong năm 2019, mức thấp nhất kể từ năm 2011, và giảm từ mức 12,05 triệu tấn trong năm 2018.



Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 17/02/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 17/02/2020	So với ngày 31/01/2020 (%)	So với ngày 27/12/2019 (%)	So với ngày 01/01/2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	382,0	0,3	-1,9	1,6
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	541,5	-3,9	-2,1	6,5
Lúa mạch	UScent/bushel	296,0	-3,6	3,7	6,4
Đậu tương	UScent/bushel	903,2	2,7	-4,7	-0,3
Khô đậu tương	USD/tấn	296,6	1,5	-2,4	-4,9
Dầu đậu tương	UScent/bushel	30,9	0,7	-11,5	9,6
Hạt cải	CAD/tấn	468,7	2,4	-2,3	-3,6
Ca cao	USD/tấn	2.886,0	3,0	20,0	19,8
Đường thô	UScent/lb	14,6	-0,3	8,3	22,5
Nước cam	UScent/lb	99,2	3,9	-0,8	-19,3
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.288,0	-1,4	-1,0	-15,7
Cà phê Arabica	UScent/lb	111,4	9,7	-12,7	7,0
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	449,3	3,0	6,4	34,2
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	376,0	0,8	3,0	-2,1
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	447,0	-1,3	2,8	14,6
Cao su Toccom	JPY/kg	186,5	3,0	-6,0	10,9

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp)

NHẬP KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO NAM PHI TĂNG 4,1% NĂM 2019

Theo dữ liệu Thống kê thương mại hàng hóa mới nhất từ Tổng cục thuế quan Nam Phi, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản (gọi tắt là nông sản) vào nước này năm 2019 đạt 65,38 tỷ Rand Nam Phi (ZAR), tăng 4,1% so với năm 2018. Trong đó, ngũ cốc là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất vào Nam Phi trong năm 2019, chiếm 22,2% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông sản, đạt 14,49 tỷ ZAR, tăng 10,9% so với năm 2018. Trong các mặt hàng ngũ cốc nhập khẩu vào Nam Phi, nhập khẩu gạo chiếm 44,8% tổng trị giá nhập khẩu, với trị giá 6,49 tỷ ZAR, giảm 5,6% so với năm 2018.

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng số các mặt hàng nông sản nhập khẩu vào Nam Phi năm 2019 là mặt hàng thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được chiếm 12,9%; nhóm hàng rau, củ, quả, quả hạch và sản phẩm chế biến chiếm 12,3%; nhóm hàng thủy sản chiếm

10,5% và nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 10,3%.

Các nguồn cung chính hàng nông sản vào Nam Phi năm 2019 là Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ, Braxin, Namibia, Đức... Việt Nam là nguồn cung hàng nông sản lớn thứ 24 của Nam Phi và nhập khẩu hàng nông sản từ Việt Nam vào Nam Phi giảm 21,1% trong năm 2019 so với năm 2018.



Các mặt hàng nông sản nhập khẩu vào Nam Phi năm 2019

Mặt hàng	Nam Phi nhập khẩu từ thế giới (Đvt: triệu ZAR)			Thị phần hàng Việt Nam tại Nam Phi (%)	
	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)	Năm 2018	Năm 2019
Tổng	62.796	65.380	4,1	1,58	1,20
Ngũ cốc	13.069	14.491	10,9	0,24	0,33
Gạo	6.881	6.493	-5,6	0,45	0,73
Thịt và phụ phẩm dạng thịt	9.137	8.465	-7,4	-	-
Hàng rau, củ, quả, quả hạch và sản phẩm chế biến	7.050	8.018	13,7	2,38	2,01
Hàng thủy sản	6.832	6.881	0,7	2,46	1,64
Gỗ và sản phẩm gỗ	6.439	6.764	5,1	2,37	2,21
<i>Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi</i>	5.034	5.236	4,0	0,38	0,26
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	4.610	4.866	5,6	0,75	0,85
Cà phê, chè và các loại gia vị	2.691	2.724	1,3	15,93	9,10
<i>Cà phê</i>	1.187	1.149	-3,2	23,04	7,58
<i>Hạt tiêu</i>	429	415	-3,4	31,01	31,93
<i>Chè</i>	588	582	-1,1	0,03	-
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	2.603	2.638	1,4	-	0,00
Động vật sống	2.981	2.459	-17,5	0,00	0,00
cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	2.278	2.306	1,3	-	-
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	1.787	1.884	5,4	0,09	0,08
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc	1.567	1.801	14,9	0,02	0,09
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	1.297	1.573	21,3	0,46	1,10
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	409	450	9,9	-	-
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sp thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	47	59	25,7	-	0,69

(Nguồn: Tổng cục thuế quan Nam Phi)

Nhu cầu một số mặt hàng nông sản chính tại Nam Phi và một số cơ hội đối với Việt Nam

Đối với mặt hàng gạo:

Nhu cầu gạo tại Nam Phi hàng năm rất lớn, với các thị trường nhập khẩu chính là Thái Lan và Ấn Độ (chiếm trên 90% tổng trị giá nhập khẩu gạo vào nước này), hai thị trường mới nổi trong xuất khẩu gạo sang Nam Phi năm 2019 là Pakixtan và Trung Quốc với trị giá nhập khẩu tăng trưởng ở mức cao lần lượt là

140,2% và 135,9% so với năm 2018, tuy vậy thị phần vẫn ở mức thấp, đạt lần lượt là 2,2% và 0,9%. Việt Nam là nguồn cung gạo lớn thứ 5 vào Nam Phi, chiếm chưa đến 1% thị phần gạo tại nước này, tuy nhiên, trong bối cảnh nhập khẩu gạo của Nam Phi giảm, đặc biệt giảm từ hai thị trường lớn là Thái Lan và Ấn Độ giảm lần lượt là 6,18% và 18,01% trong năm 2019 so với năm 2018, thì nhập khẩu gạo từ Việt Nam vẫn tăng 37,8% - là tín hiệu tốt để Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang thị trường này thời gian tới.

Đối với mặt hàng rau, củ, quả, quả hạch và sản phẩm chế biến:

Đây là một trong những nhóm hàng nông sản chính nhập khẩu vào Nam Phi có trị giá nhập khẩu tăng cao trong năm 2019, với trị giá nhập khẩu đạt 8,018 tỷ ZAR, tăng gần 1 tỷ ZAR, tương ứng tăng 13,7% so với năm 2018. Trong đó, nhập khẩu nhóm sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây tăng 20,2%; nhập khẩu nhóm quả và quả hạch tăng 13,2% và nhập khẩu cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ, cành để trang trí tăng 14,9%...

Các mặt hàng rau, củ, quả, quả hạch và sản phẩm nhập khẩu vào Nam Phi năm 2019 chủ yếu có xuất xứ từ thị trường Trung Quốc, chiếm 16,63% thị phần, tiếp đến là Tây Ban Nha chiếm 8,97% và Mozambique chiếm 8,12%... Hàng rau, củ, quả và sản phẩm chế biến nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm khoảng 2% thị phần, trong đó, nhóm quả và quả hạch ăn được chiếm thị phần cao nhất, đạt 5,07%, tuy vậy, thị phần đã giảm so với năm 2018 là 6,68%; trái lại, nhập khẩu nhóm sản phẩm chế biến từ rau, củ, quả... từ Việt Nam mặc dù chỉ chiếm thị phần nhỏ, khoảng 0,4% nhưng đây là mặt hàng có trị giá nhập khẩu tăng mạnh 106,1%.

Đáng chú ý, riêng đối với nhóm hàng rau, củ ăn được, mặc dù nhập khẩu nhóm hàng này vào Nam Phi giảm trong năm 2019, giảm 1,5% so với năm 2018, tuy nhiên, nhập khẩu nhóm hàng này từ Việt Nam vào Nam Phi tăng rất mạnh, tăng 225,1%. Điều này cho thấy, mặt hàng rau, củ của Việt Nam đang là một trong những lựa chọn của người dân Nam Phi, đây là cơ hội cho Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sang Nam Phi thời gian tới.

Theo báo cáo ngành nông nghiệp Nam Phi – tăng trưởng, xu hướng và dự báo (giai đoạn 2020-2025) từ nguồn <https://www.mordorintelligence.com/> cho thấy, sự cải thiện nhận thức trên các nền tảng truyền thông xã hội khác nhau liên quan đến sức khỏe và hạnh phúc đã thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm thực phẩm khác nhau và đặc biệt là trái cây và rau quả tươi của người

dân Nam Phi. Theo ước tính, người dân Nam Phi dành gần 16% thu nhập của họ cho trái cây và rau quả. Người dân ở nước này đang quan tâm tới mối liên hệ giữa thực phẩm lành mạnh và sức khỏe của họ và chuyển đổi các lựa chọn thay thế sang trái cây và rau quả.

Thêm vào đó, với ý thức về sức khỏe đang gia tăng, người dân Nam Phi cũng có xu hướng tăng tiêu dùng đối với các loại trái cây trái vụ, thường được đáp ứng bởi hàng nhập khẩu. Các loại cây trồng như khoai tây, cà chua, hành tây, ngô ngọt, củ cải đường, táo, cam quýt, nho, chuối, vải, đào, dứa, và bơ là những loại rau và trái cây chính được xác định có tiềm năng tăng trưởng thị trường ở Nam Phi trong giai đoạn dự báo. Riêng đối với khoai tây, là mặt hàng có xu hướng tăng tiêu thụ tại Nam Phi thời gian gần đây, đặc biệt là trong nhóm người dân có thu nhập trung bình ở Nam Phi...

Như vậy có thể thấy, tiềm năng để xuất khẩu hàng rau, củ, quả sang thị trường Nam Phi còn rất lớn, đây là cơ hội để mở rộng thị phần cho các quốc gia, vùng lãnh thổ muốn đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này sang Nam Phi, trong đó có Việt Nam

Đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ:

Theo Cục thuế quan Nam Phi, nhập khẩu nhóm hàng này vào Nam Phi đạt 6,76 tỷ ZAR trong năm 2019, tăng 5,1% so với năm 2018, trong đó, chủ yếu là nhập khẩu gỗ nguyên liệu, đạt 5,23 tỷ ZAR, còn lại là nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ, đạt 1,52 tỷ ZAR.

Đáng chú ý, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ vào Nam Phi đang có xu hướng tăng nhanh hơn nhập khẩu gỗ nguyên liệu, tăng 8,8% trong năm 2019. 4 nguồn cung lớn nhất đồ nội thất bằng gỗ vào Nam Phi là Trung Quốc, Malaysia, Việt Nam và Italia, chiếm 77,2% thị phần. Hiện đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tại Nam Phi đang có thị phần tương đối cao trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường này (chiếm 8,9%), tuy vậy, mặt hàng này của Việt Nam đang phải chịu sự cạnh tranh từ các sản phẩm cùng loại có xuất xứ từ Trung Quốc, Malaysia, do đó, để hàng đồ nội thất Việt Nam tăng tính cạnh

tranh tại Nam Phi, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần tìm hiểu kỹ về thị hiếu tiêu dùng cũng như xu hướng tiêu dùng tại thị trường này.

Trong báo cáo về thị trường nội thất châu Phi của Trung tâm Nghiên cứu Công nghiệp (CSIL), một số nước châu Phi có tiềm năng tốt để phát triển ngành công nghiệp đồ nội thất, mở rộng ở cả lĩnh vực tiêu dùng nội bộ và cho thị trường xuất khẩu. Tổng mức tiêu thụ đồ nội thất ở châu Phi dự kiến sẽ tăng 2,4% theo giá trị thực trong năm 2020 và tăng trưởng tiêu thụ đáng kể được dự kiến dài hạn. Một số yếu tố tác động đến nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất ở châu Phi nói chung và Nam Phi nói riêng trong thời gian tới:

+ Thu nhập bình quân đầu người tăng. Theo CSIL, châu Phi có tổng mức tiêu thụ hộ gia đình là 1.400 tỷ USD với 1,13 tỷ dân và GDP bình quân đầu người khoảng 1.700 USD. Nhu cầu tiêu dùng đã tăng nhanh trong thập kỷ qua nhờ thu nhập thực tế tăng.

Với 16% tổng dân số thế giới, châu Phi chỉ chiếm 3% GDP thế giới, nhưng theo dự đoán của IMF, GDP bình quân đầu người từ năm 2019 đến năm 2023 sẽ tăng nhanh hơn ở châu Phi so với các khu vực khác trên thế giới, ngoại trừ châu Á.

Hiện mức tiêu thụ đồ nội thất của châu Phi chỉ chiếm khoảng 2% tổng mức tiêu thụ đồ nội thất toàn cầu. Các thị trường tiêu dùng đồ nội thất chính ở châu Phi là Nam Phi, Nigeria, Algeria, Ai Cập, Morocco và Sudan. Bắc Phi, Tây Phi và Nam Phi là những khu vực tiêu thụ chính, cho thấy mức tiêu thụ đồ nội thất bình quân đầu người cao nhất.

+ Nền kinh tế đa dạng hóa và đô thị hóa. Mặc dù bất ổn chính trị và cơ sở hạ tầng tương đối nghèo nàn, các trung tâm đô thị này đang mở rộng, với nền kinh tế đa dạng hóa, và có tiềm năng đáng kể là thị trường tăng trưởng cho đồ nội thất. Trong một số lĩnh vực, các khoản đầu tư lớn đang được thực hiện vào bất động sản và du lịch, trong khi các lĩnh vực khách sạn, văn hóa và giải trí đều thúc đẩy nhu cầu về đồ nội thất.

Quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam và Nam Phi ngày càng đầy mạnh

Có thể thấy, Nam Phi với vị thế là cửa ngõ để thâm nhập vào khu vực châu Phi đã và đang là lựa chọn cho các quốc gia muốn đẩy mạnh xuất khẩu sang khu vực này.

Đối với Việt Nam, Nam Phi hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại châu Phi, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nam Phi tăng mạnh trong 10 năm trở lại đây.

Để có thể khai thác tiềm năng giữa hai quốc gia, trong năm 2019, đã có nhiều chuyến thăm cấp cao giữa hai nước nhằm thúc đẩy mối quan hệ thương mại, đầu tư. Đặc biệt, tại Kỳ họp lần thứ 4 Tiểu ban Thương mại hỗn hợp Việt Nam – Nam Phi diễn ra trong tháng 10/2019 giữa hai Bộ Công Thương Việt Nam và Nam Phi, Lãnh đạo Bộ Công Thương cho biết, Việt Nam và Nam Phi mặc dù có nhiều điểm tương đồng về sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn có những thế mạnh riêng có thể bổ sung cho nhau và có thể tăng cường hợp tác trong lĩnh vực thương mại nông sản. Do vậy, tới đây phía Nam Phi sớm mở cửa cho các sản phẩm nông nghiệp mà Việt Nam muốn giới thiệu sang thị trường Nam Phi, trước mắt là thịt gà chế biến, mật ong và sản phẩm sữa, tiếp theo là các trái cây như thanh long, vải, nhãn, chôm chôm, vú sữa....

Đặc biệt, hai bên đã trao đổi kế hoạch hợp tác giữa hai Bộ, các định hướng và giải pháp nhằm tạo sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa hai nền kinh tế, giúp mở rộng thị trường cho sản phẩm xuất khẩu của hai nước, tranh thủ thế mạnh và nguồn lực của mỗi nước để bổ sung cho nhu cầu phát triển của mỗi nước.

Về xúc tiến thương mại, hai bên nhất trí tăng cường trao đổi thông tin, trao đổi đoàn doanh nghiệp. Vì vậy, Việt Nam đề nghị Nam Phi ủng hộ và hỗ trợ Việt Nam tổ chức Tuần hàng Việt Nam tại Nam Phi, dự kiến địa điểm tại Johannesburg.

Ngoài ra, phía Việt Nam cũng thông báo kế hoạch dự kiến về việc tổ chức đoàn doanh nghiệp sang tham dự hội chợ Saitex và Africa Big 7 tổ chức tại Nam Phi vào tháng 6/2020.

► Sự bùng phát của Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc nhập khẩu tỏi của Trung Java (Indonesia) từ Trung Quốc, khiến giá cả tăng hơn 40% trong bối cảnh tồn kho giảm mạnh ở Trung Java. Có tới 95% nguồn cung cấp tỏi tại đây được nhập khẩu trực tiếp từ Trung Quốc. Cơ quan Công nghiệp và Thương mại tại Trung Java hy vọng sẽ sớm có các lựa chọn nhập khẩu từ các quốc gia khác... Giá tỏi ở Trung Java hiện đã tăng mạnh lên 50.000 Rp/kg (3,65 USD/kg) so với 35.000 Rp/kg thông thường.

► Theo Chi Cục trưởng Chi cục Trồng trọt & Bảo vệ Thực Vật tỉnh Sóc Trăng, hiện nay hành tím thu hoạch đầu vụ của tỉnh tiêu thụ rất tốt, thương lái đến tận rẫy thu hoạch mua với giá bình quân trên 30.000 đồng/kg, cao hơn gấp đôi so với vụ hành tím năm 2019. Trong khi một số doanh nghiệp có đầu ra xuất khẩu tốt liền kết đặt hàng thu mua các hộ nông dân có uy tín trồng hành tím hữu cơ, sử dụng thuốc BTVT đạt chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo mô hình VietGAP, với giá 40.000-50.000 đồng/kg - đây là mức cao nhất trong nhiều năm qua. Vụ hành tím năm nay thời tiết thuận lợi, nông dân trồng một công thu hoạch trung bình đạt năng suất từ 1,8-2,2 tấn.

► Sau Tết Nguyên đán 2020, giá trứng gia cầm tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL giảm xuống ở mức khá thấp. Giá trứng vịt được nông dân bán xô cho thương lái và các vựa thu mua chỉ ở mức 13.000-14.000 đồng/chục, thấp hơn khoảng 4.000-5.000 đồng/chục so với trước tết Nguyên đán. Giá trứng vịt giảm do gần đây nhu cầu tiêu thụ giảm, trong khi nguồn cung trứng vịt tại nhiều địa phương khá dồi dào.

► Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong năm 2019, có 600 doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu thịt và sản phẩm

thịt gia súc, gia cầm. Trong đó có 150 doanh nghiệp nhập khẩu thịt lợn và sản phẩm thịt lợn, tăng 50 doanh nghiệp so với năm 2018. Tổng sản lượng các loại thịt nhập khẩu trong năm 2019 là 280.474 tấn, tăng 17% và thịt lợn đạt 67.131 tấn, tăng 63% so với năm 2018. Hiện nay, Việt Nam không giới hạn định mức về số lượng thịt heo nói riêng, cũng như các sản phẩm động vật được phép nhập khẩu. Năm 2020, tính đến ngày 31/1/2020, Việt Nam đã nhập khẩu hơn 4.535 tấn thịt lợn, sản lượng nhập có xu hướng tăng hơn so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó nhập khẩu từ Đức là 25,3%, Ba Lan: 20,52%, Canada: 16,79%, Mỹ: 12,40%.



► Theo Bộ Nông, Lâm, Thủy sản Nhật Bản, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của nước này năm 2019 tăng 0,6% so với năm 2018, đạt 912,1 tỷ Yên, ghi nhận mức cao kỷ lục năm thứ 7 liên tiếp. Tuy nhiên, tốc độ tăng đã chậm lại so với mức tương ứng 12,4% của năm 2018, do sản lượng khai thác sò và cá thu sụt giảm, cũng như việc Hàn Quốc tẩy chay các sản phẩm của Nhật Bản do căng thẳng ngoại giao giữa hai nước.

► Theo Tổ chức Lương Nông Liên hợp quốc (FAO), chỉ số giá lương thực đánh giá sự thay đổi hàng tháng đối với các mặt hàng ngũ cốc, hạt có dầu, sản phẩm bơ sữa, thịt và đường, trong tháng 1/2020 đã tăng lên mức trung bình 182,5 điểm - tăng 0,7% so với tháng 12/2019 do giá dầu thực vật, đường và lúa mì tăng mạnh.